

Số: 1704-001/CV-CBTT.2024
V/v: CBTT BCTC quý 1 năm 2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

Kính gửi: • ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
• SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH.

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tang, Shu-Chuan

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (Riêng) quý 1 năm 2025.
- Báo cáo tài chính (hợp nhất) quý 1 năm 2025.
- Giải trình cho số liệu lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2025 trên Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính Hợp nhất thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2025	Quý 1 Năm 2024	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/ (giảm)
Lợi nhuận sau thuế mẹ	102.649.620	220.558.366	(117.908.746)	(53%)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	3.676.868.740	4.769.015.353	(1.092.146.613)	(23%)

Trong quý 1 năm 2025, lợi nhuận sau thuế công ty mẹ giảm 53%. Sự biến động trong kinh doanh này chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm lãi suất ngân hàng, dẫn đến doanh thu hoạt động tài chính và lợi nhuận giảm đáng kể.

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất cũng giảm 23%. Kết quả kinh doanh biến động chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm doanh thu từ hoạt động tài chính so với kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo đó đã giảm đáng kể như thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <https://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Báo Cáo Công Bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ kèm theo:

Báo cáo tài chính (Riêng) và Báo cáo tài chính (Hợp nhất) quý 1 năm 2025;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
NHÃN
HIỆU
VIỆT

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0312080709
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.04.21 17:50:04+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.1

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN
ĐẦU TƯ
NHÃN HIỆU
VIỆT
Bà Tang, Shu-Chuan

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		115,146,145,463	115,023,132,996
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	I.1	729,453,099	1,160,824,184
111	1. Tiền		729,453,099	1,160,824,184
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		34,000,000,000	33,000,000,000
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	I.2	34,000,000,000	33,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		80,401,906,474	80,847,522,922
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	I.3	59,000,000	40,000,000
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	I.4	80,342,906,474	80,807,522,922
140	IV. Hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		14,785,890	14,785,890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14,184,004	14,184,004
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	I.8	601,886	601,886
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	5. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		172,369,500,000	172,397,302,771
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	I.5	171,000,000,000	171,000,000,000
251	1. Đầu tư vào công ty con		171,000,000,000	171,000,000,000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		1,369,500,000	1,397,302,771
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	I.6	1,369,500,000	1,397,302,771
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		287,515,645,463	287,420,435,767
Mã số	NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		231,156,906	238,596,830
310	I. Nợ ngắn hạn		231,156,906	238,596,830
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		19,855,000	-
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	I.7	50,340,906	117,556,830
314	4. Phải trả người lao động		39,921,000	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	I.8	121,040,000	121,040,000
319	9. Phải trả ngắn hạn khác		-	-
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	I.9	287,284,488,557	287,181,838,937
410	I. Vốn chủ sở hữu		287,284,488,557	287,181,838,937
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		87,284,488,557	87,181,838,937
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		87,181,838,937	87,079,755,794
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		102,649,620	102,083,143
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		287,515,645,463	287,420,435,767

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 17 Tháng 04 Năm 2025

Người đại diện theo pháp luật



Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-	-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	II.1	418,168,438	584,465,965	418,168,438	584,465,965
22	7. Chi phí tài chính		-	-	-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-	-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	II.2	258,731,413	270,874,257	258,731,413	270,874,257
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		159,437,025	313,591,708	159,437,025	313,591,708
31	11. Thu nhập khác		-	-	-	-
32	12. Chi phí khác	II.3	24,900,000	30,315,000	24,900,000	30,315,000
40	13. Lợi nhuận khác		(24,900,000)	(30,315,000)	(24,900,000)	(30,315,000)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		134,537,025	283,276,708	134,537,025	283,276,708
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		31,887,405	62,718,342	31,887,405	62,718,342
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		102,649,620	220,558,366	102,649,620	220,558,366
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	II.4				
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	II.4				

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



Nguyễn Hải Linh



TP. HCM, ngày 17 Tháng 04 Năm 2025

Người đại diện theo pháp luật

Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		134,537,025	283,276,708
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(418,168,438)	(584,205,460)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		-	-
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(418,168,438)	(584,205,460)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(283,631,413)	(300,928,752)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19,000,000)	-
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		69,852,500	(38,753,833)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27,802,771	33,608,334
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(109,179,829)	(82,239,057)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(314,155,971)	(388,313,308)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(34,000,000,000)	(21,000,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		33,000,000,000	20,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		882,784,886	2,250,000,000
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(117,215,114)	1,250,000,000
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
32	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(431,371,085)	861,686,692
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1,160,824,184	215,414,977
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	I.1	729,453,099	1,077,101,669

Người lập biểu

Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Linh

TP.HCM, ngày 17 Tháng 04 Năm 2025

Người đại diện theo pháp luật



Tăng, Shu - Chưan

Chức vụ: Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHẮN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

I. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1 Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng	729,453,099	1,160,824,184
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	729,453,099	1,160,824,184
2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền gửi có kỳ hạn	34,000,000,000	33,000,000,000
Cộng	34,000,000,000	33,000,000,000
3 Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Bên liên quan	-	-
Phí Kiểm toán	59,000,000	40,000,000
Cộng	59,000,000	40,000,000
4 Phải thu ngắn/dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải thu ngắn hạn khác	-	-
Bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức cá nhân khác	-	-
Lãi dự thu	326,027,394	790,643,842
Lợi nhuận từ công ty con	80,000,000,000	80,000,000,000
Phải thu khác	16,879,080	16,879,080
Cộng	80,342,906,474	80,807,522,922
5 Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Cuộc sống mới	170,000,000,000	170,000,000,000
Công ty TNHH Phát triển và đầu tư Phú Lệ	1,000,000,000	1,000,000,000
Cộng	171,000,000,000	171,000,000,000
6 Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí trả trước dài hạn	-	2,902,771
Công cụ dụng cụ;	-	-
Tiền thuê đất (*)	1,369,500,000	1,394,400,000
Cộng	1,369,500,000	1,397,302,771

(*) Đây là khoản thuê đất theo hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 của bà Trương Thị Vân - Tổng giám đốc Công ty và chồng bà Vân đồng sở hữu tại khu đất: Thuê đất số 819, tờ bản đồ số 54, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM. Mục đích thuê đất: Làm nhà xưởng kinh doanh, văn phòng, hoặc nhu cầu khác của Công ty. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.

7 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chi tiết:	Đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	109,179,830	-	31,887,405	(109,179,829)	31,887,406	-
Thuế thu nhập cá nhân	8,377,000	-	18,410,500	(8,334,000)	18,453,500	-
Các khoản phí, lệ phí khác	-	601,886	-	-	-	601,886
Cộng	117,556,830	601,886	50,297,905	(117,513,829)	50,340,906	601,886

8 Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí kiểm toán	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	121,040,000	121,040,000
Cộng	121,040,000	121,040,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

9 Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	200,000,000,000	87,079,755,794	287,079,755,794
Tăng trong kỳ trước	-	102,083,143	102,083,143
Lãi trong kỳ trước		102,083,143	102,083,143
Số dư cuối kỳ trước, đầu kỳ này	200,000,000,000	87,181,838,937	287,181,838,937
Tăng trong kỳ này	-	102,649,620	102,649,620
Lãi trong kỳ này		102,649,620	102,649,620
Số dư cuối kỳ này	200,000,000,000	87,284,488,557	287,284,488,557

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ
Công Ty Cổ Phần Phát triển Quang Thái	79,403,500,000	39.70%	79,403,500,000	39.70%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Đức	49,500,000,000	24.75%	49,500,000,000	24.75%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Thịnh	28,700,000,000	14.35%	28,700,000,000	14.35%
Các cổ đông khác	42,396,500,000	21.20%	42,396,500,000	21.20%
Cộng	200,000,000,000	100%	200,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ/ cổ phiếu		

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lãi tiền gửi	418,168,438	584,465,965
Ghi nhận cổ tức được chia		-
Cộng	418,168,438	584,465,965

2 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	199,865,000	195,332,166
Các chi phí khác	55,866,413	72,542,091
Thuế, Phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
Cộng	258,731,413	270,874,257

ĐÓNG
CHỮ
IN
S
ỆU
CHỈ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Broadway E, số 2 Bertrand Russell, P. Tân Phú, Q. 7, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2025

3 Chi phí khác

Các khoản khác (*)

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
	24,900,000	30,315,000
Cộng	24,900,000	30,315,000

(*) Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ

4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhân Hiệu Việt vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào điểm 3.19, khoản 3, điều 113, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 17 Tháng 04 Năm 2025
Người đại diện theo pháp luật
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Tang, Shu - Chuan
Chức vụ: Tổng giám đốc